

UBND TỈNH THANH HÓA

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

LƯU THỊ THANH THUY

**PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TƯ DUY PHẢN BIỆN CHO HỌC SINH
TRONG DẠY HỌC THƠ TRỮ TÌNH
Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

**Chuyên ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt
Mã số: 9.14.01.11**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Thanh Hóa – Năm 2023

Công trình được hoàn thành tại trường Đại học Hồng Đức

**Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. Hoàng Thị Mai
GS. TS. Nguyễn Thanh Hùng**

***Phản biện 1:* GS. TS. Lê Phương Nga
Trường Đại học Quốc gia Hà Nội**
***Phản biện 2:* PGS. TS. Nguyễn Thị Hồng Vân
Viện Khoa học Giáo dục**
***Phản biện 3:* PGS. TS. Bùi Minh Đức
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2**

**Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường
hợp tại Trường Đại học Hồng Đức vào hồi 08 giờ 00
ngày 24 tháng 12 năm 2023**

**Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện: Thư viện Quốc Gia, Hà Nội
hoặc Thư viện Trường Đại học Hồng Đức**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

1.1. Tư duy phản biện là một trong những năng lực cốt lõi của người công dân toàn cầu thế kỉ XXI

Tư duy phản biện (Critical thinking) được xem là “nghệ thuật phân tích và đánh giá tư duy với định hướng cải thiện nó” [1, tr 9]. Đây là năng lực (NL) tư duy có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc xử lí thông tin và giải quyết vấn đề. Trong thời đại VUCA (Volatility - Biến động, Uncertainty - Bất định, Complexity - Phức tạp, Ambiguity - Mơ hồ) [8], vai trò của NL TDPB ngày càng được khẳng định.

Đứng trước sự thay đổi nhanh chóng của xã hội hiện đại và thị trường lao động, giáo dục cần đặt trọng tâm vào việc phát triển cho người học NL tư duy, đặc biệt là tư duy bậc cao (High Order Thinking), trong đó có TDPB.

Như vậy, phát triển NL TDPB là một mục tiêu quan trọng, bắt buộc của giáo dục thế giới thế kỉ XXI. Mục tiêu đó cần được cụ thể hoá trong các chương trình giáo dục và đào tạo trong nhà trường. Hiện nay, trong chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo phổ thông của các nền giáo dục tiên tiến trên thế giới, TDPB được khẳng định là một trong những NL quan trọng hàng đầu cần hình thành cho người học. Đây được xem là một trong các trọng tâm giáo dục của mô hình “giáo dục khai phóng” (liberal arts education).

1.2. Vấn đề phát triển tư duy phản biện cho HS THPT đã được đề cập trong mục tiêu của CTGDPT tổng thể và CTGDPT môn Ngữ văn 2018

Tại Việt Nam, cấp THPT được xác định là “giai đoạn định hướng nghề nghiệp”, nhằm “phát triển năng lực theo sở trường, nguyện vọng của từng học sinh, bảo đảm học sinh tiếp cận nghề nghiệp, chuẩn bị cho giai đoạn học sau giáo dục phổ thông có chất lượng hoặc tham gia cuộc sống lao động” [11; tr 31]. HS THPT chuẩn bị rời ghế nhà trường, trở thành người lao động làm việc ở nhiều môi trường làm việc khác nhau, tham gia vào đời sống tiềm ẩn nhiều vấn đề cần giải quyết. Lúc này, HS cần có nhiều NL để thích ứng, một trong số những NL đó chính là TDPB.

Trong *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể 2018*, các nhà hoạch định giáo dục đã xác định việc phát triển NL là nhiệm vụ quan trọng: “Chương trình giáo dục phổ thông đảm bảo phát triển phẩm chất và năng lực người học thông qua nội dung giáo dục với những kiến thức, kĩ năng cơ bản, thiết thực, hiện đại” [11, tr 5]. Trong mục tiêu NL cốt lõi, chương trình chưa đề cập đến TDPB như một NL cốt lõi nhưng trong nội dung yêu cầu phát triển thành tố tư duy độc lập của NL giải quyết vấn đề, các tác giả đã đề cập đến các biểu hiện sau: “biết đặt nhiều câu hỏi có giá trị, không dễ dàng chấp nhận thông tin một chiều; không thành kiến khi xem xét, đánh

giá vấn đề; biết quan tâm tới các lập luận và minh chứng thuyết phục; sẵn sàng xem xét, đánh giá lại vấn đề” [11, tr 50]. Đây cũng đồng thời là các phẩm chất, KN thành tố, biểu hiện hành vi của của NL TDPB.

Trong *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018*, mục tiêu của dạy đọc hiểu VB được xác định là “đọc hiểu được cả nội dung tường minh và hàm ẩn của các loại văn bản với mức độ khó hơn thể hiện qua dung lượng, nội dung và yêu cầu đọc; **đọc hiểu với yêu cầu phát triển tư duy phản biện**” [12, tr 6-7]. Trong hoạt động nói và nghe, mục tiêu được xác định là: “có khả năng nghe và đánh giá được nội dung cũng như hình thức biểu đạt của bài thuyết trình; biết tham gia và có chủ kiến, cá tính, có thái độ tranh luận phù hợp trong tranh luận” [12, tr 7]; “biết tranh luận về những vấn đề tồn tại các quan điểm trái ngược nhau; có thái độ cầu thị và văn hoá tranh luận phù hợp; có khả năng nghe thuyết trình và đánh giá được nội dung và hình thức biểu đạt của bài thuyết trình; có hứng thú thể hiện chủ kiến, cá tính trong tranh luận; trình bày vấn đề khoa học một cách tự tin, có sức thuyết phục. Nói và nghe linh hoạt; nắm được phương pháp, quy trình tiến hành một cuộc tranh luận [12, tr 11]. Có thể thấy, khái niệm TDPB tuy không được đề cập trong mục tiêu hoạt động nói, nghe nhưng các từ khoá: “đánh giá”, “tranh luận”, “chủ kiến”, “thái độ cầu thị”, “sức thuyết phục” cũng là các yêu cầu cơ bản của TDPB.

Như vậy, TDPB và các KN thành tố của NL TDPB đã được các nhà khoa học giáo dục Việt Nam quan tâm định hướng phát triển cho người học. Phát triển NL TDPB là một trong các vấn đề được lưu ý đối với các môn học và hoạt động giáo dục ở bậc phổ thông, trong đó có môn Ngữ văn.

1.3. Dạy học thơ trữ tình là môi trường thuận lợi để phát triển năng lực tư duy phản biện cho HS THPT

Dạy học thơ trữ tình (TTT) có tiềm năng lớn trong việc phát triển NL TDPB không chỉ dựa trên đặc trưng của hoạt động tiếp nhận VB văn học mà còn do đặc trưng của thể loại TTT. Tiếp nhận TTT không chỉ giới hạn trong hoạt động đọc VB mà còn là sự tương tác của người đọc với VB thông qua các hoạt động viết, nói và nghe. Đó là hoạt động kiến tạo nghĩa, tạo lập nên các giá trị mới cho VB, tạo nên các VB mới trên nền tảng VB của tác giả. Do đó, trong quá trình tiếp nhận TTT, việc người học đưa ra được những cách cắt nghĩa, lí giải, đánh giá đa chiều sẽ góp phần không nhỏ trong việc phát triển NL TDPB.

Ngoài ra, TTT là thể loại có dung lượng ngắn, tập trung cao độ đặc trưng hàm ngôn đa nghĩa, khơi gợi sự đối thoại, tranh luận trong tiếp nhận của người đọc. Đặc biệt, thủ pháp lạ hóa được thi sĩ sử dụng trong TTT có thể thách thức những cách tiếp nhận theo lối mòn, từ đó khuyến khích ở người đọc tinh thần phản biện với cái cũ. Chính vì vậy, dạy học TTT có tiềm năng lớn trong việc phát triển NL TDPB cho HS:

người học sẽ có cơ hội được phát hiện các vấn đề có trong VB, tìm kiếm các thông tin phù hợp để giải quyết vấn đề, nhìn nhận vấn đề đặt ra trong VB một cách đa chiều, nhờ đó mà phát triển được NL TDPB.

Các VB TTT được chọn dạy trong chương trình Ngữ văn THPT là những sáng tác phong phú về nội dung, đa dạng về hình thức thể hiện, chiếm thời lượng không nhỏ trong toàn bộ nội dung của chương trình. Việc đề xuất các biện pháp để phát triển NL TDPB cho HS THPT trong dạy học TTT góp phần quan trọng trong việc nâng cao NL đặc thù, giúp HS phát hiện được những giá trị thẩm mỹ của VB. Đây còn là một hướng đi phù hợp để giúp HS hứng thú hơn trong quá trình tiếp cận VB.

1.4. Năng lực tư duy phản biện của HS THPT hiện còn yếu và chưa được quan tâm hình thành, phát triển trong quá trình dạy học Ngữ văn

Trên thế giới, TDPB được xem là một trong những môn học quan trọng, có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề phát triển NL này cho HS, các nhà giáo dục đã quan tâm tới việc phát triển NL TDPB, người học được tạo điều kiện để phát triển tốt nhất NL tư duy bậc cao này. Tuy nhiên, thực trạng dạy học phát triển NL TDPB cho người học hiện còn nhiều khó khăn, hạn chế.

Tại Việt Nam, NL TDPB của HS nhìn chung còn yếu: HS thiếu tinh thần phản biện, chưa phát triển các thành tố của NL TDPB để giải quyết vấn đề hiệu quả. Các công trình nghiên cứu phát triển NL TDPB trong dạy học nói chung và trong dạy học Ngữ văn nói riêng còn nhiều hạn chế.

Thực tế dạy học Ngữ văn cho thấy, nội dung CT, SGK, các phương pháp dạy học và hình thức kiểm tra đánh giá chưa quan tâm nhiều tới việc phát triển NL TDPB cho HS. GV chưa quan tâm, chưa có các biện pháp hiệu quả để tích hợp phát triển NL TDPB cho HS trong dạy học. HS không dành nhiều thời gian để tìm tòi, càng ít suy xét các vấn đề trong VB một cách đa chiều và tranh luận phản biện với thầy cô, bạn bè về các nội dung bài học do chưa hứng thú với hoạt động tìm hiểu VB.

Như vậy dạy học TTT chú ý tích hợp rèn luyện NL TDPB cho HS cần được xem là một trong những mục tiêu quan trọng. Thực hiện được mục tiêu này, dạy học Ngữ văn sẽ góp phần bồi dưỡng cho HS một trong những NL quan trọng của người công dân thế kỉ 21, giúp người học có hứng thú hơn với môn học nhân văn này.

Xuất phát từ những lí do trên, chúng tôi lựa chọn đề tài: *Phát triển năng lực tư duy phản biện cho học sinh trong dạy học thơ trữ tình ở trường trung học phổ thông* với mong muốn vừa nâng cao hiệu quả đọc hiểu VB TTT vừa góp phần phát triển ở HS một trong những NL cốt lõi, giúp HS nâng cao chất lượng học tập, chất lượng cuộc sống và công việc.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở đặc trưng của NL TDPB, đặc trưng của VB TTT và thực trạng

phát triển NL TDPB cho HS trong dạy học VB TTT, luận án nghiên cứu xác định cấu trúc, các biểu hiện, tiêu chí đánh giá NL TDPB của HS THPT trong đọc hiểu VB TTT; đề xuất các nguyên tắc, biện pháp phát triển NL TDPB cho HS trong dạy học đọc hiểu VB TTT ở trường THPT nhằm góp phần nâng cao hiệu quả dạy học TTT đồng thời góp phần phát triển các NL cốt lõi cho HS.

3. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu trên, nhiệm vụ nghiên cứu của luận án là:

(1) Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến vấn đề phát triển NL TDPB cho HS trong dạy học TTT.

(2) Xác lập cơ sở lí luận và thực tiễn của vấn đề phát triển NL TDPB cho HS trong dạy học đọc hiểu TTT ở trường THPT.

(3) Đề xuất các nguyên tắc và biện pháp phát triển NL TDPB cho HS trong dạy học đọc hiểu TTT ở trường THPT.

(4) Thực nghiệm sư phạm: thiết kế kế hoạch bài dạy và tổ chức dạy học một số VB TTT theo hướng chú ý tích hợp phát triển NL TDPB cho HS để kiểm chứng tính khả thi của các biện pháp đã đề xuất.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Phát triển NL TDPB cho HS THPT trong dạy học TTT là một vấn đề rộng, bao gồm phát triển NL TDPB cho HS qua dạy đọc hiểu, viết, nói và nghe. Trong khuôn khổ có hạn, ở luận án này, nghiên cứu của chúng tôi chỉ tập trung chủ yếu vào *các nguyên tắc, biện pháp phát triển NL TDPB cho HS THPT trong hoạt động dạy học đọc hiểu VB TTT*. Tất nhiên, đọc hiểu là một hoạt động xảy ra trong tâm trí người đọc và kết quả đọc hiểu được trình bày dưới dạng nói và viết. Vì vậy, các diễn giải, phân tích, chứng minh, đánh giá NL TDPB của HS trong luận án này là các văn bản viết và nói, nhưng chủ yếu là viết và nói trong phạm vi giờ đọc hiểu VB TTT.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Về đối tượng khảo sát và thực nghiệm:

Phạm vi khảo sát của luận án là các công trình nghiên cứu có liên quan đến TDPB, đặc điểm thể loại TTT, phương pháp dạy học TTT, CTGDPTTT 2006 và 2018, CCGDPT môn Ngữ văn 2006 và 2018, SGK Ngữ văn THPT 2006 và 2018.

Phạm vi điều tra, khảo sát thực trạng dạy học TTT tại các trường THPT trên địa bàn một số tỉnh: Thanh Hoá, Thái Bình, Hưng Yên, Nam Định, Sơn La, Hà Nội, Tây Ninh, Bà Rịa – Vũng Tàu,... Trong đó, tại Thanh Hoá, các trường được khảo sát đại diện cho khu vực miền núi - miền biển - đồng bằng, khu vực nông thôn – thành thị. Tại mỗi trường, đối tượng HS được khảo sát đại diện cho cả ba lớp 10, 11, 12, thuộc các lớp chuyên ban và lớp đại trà.

Đối tượng thực nghiệm: Do bối cảnh thay SGK mới, chúng tôi chọn đối tượng thực nghiệm là HS lớp 10 tại ba trường: THPT Hà Văn Mao (huyện Bá Thước), Tỉnh Gia 2 (huyện Tĩnh Gia), Hàm Rồng (thành phố Thanh Hoá) – đại diện cho ba vùng (miền núi – đồng bằng – miền biển), hai khu vực (thành thị - nông thôn) của tỉnh Thanh Hoá.

Về nội dung dạy học để phát triển NL TDPB cho HS: chúng tôi giới hạn tập trung đề xuất các biện pháp phát triển NL TDPB cho HS trong dạy đọc hiểu VB - ở đó, GV tổ chức các hoạt động để HS đọc, cắt nghĩa, lí giải, đánh giá VB TTT.

Về phạm vi đối tượng tác động: Việc phát triển NL TDPB cho HS là một quá trình lâu dài, toàn diện, liên quan đến hệ thống biện pháp tác động tới chương trình và nội dung dạy học, đội ngũ GV, HS THPT,... Trong phạm vi luận án, chúng tôi xác định phạm vi là các biện pháp dạy học của GV hướng tới đối tượng là HS THPT.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lí thuyết

Các phương pháp nghiên cứu lí thuyết được sử dụng để nghiên cứu các vấn đề lí luận của đề tài. Cụ thể như sau:

Phân tích, tổng hợp và hệ thống hóa, khái quát hóa các vấn đề lí thuyết về TDPB, VB TTT và dạy học TTT trong các tài liệu có liên quan để xây dựng báo cáo tổng quan và cơ sở lí luận cho đề tài nghiên cứu.

So sánh, đối chiếu các mô hình, trường phái lí thuyết về TDPB và VB TTT; giữa CT, SGK NV 2006 và 2018, giữa lí luận và thực tiễn dạy học TTT ở trường THPT.

5.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

Khảo sát mục tiêu, yêu cầu, nội dung dạy học TTT trong CTGDPT môn Ngữ văn 2006, 2018.

Điều tra thực tế hoạt động dạy học của GV bằng cách dùng phiếu hỏi, phỏng vấn và dự giờ nhằm đánh giá thực trạng phát triển NL TDPB cho HS trong dạy học TTT ở trường THPT.

Phân tích sản phẩm học tập của HS thông qua bài kiểm tra đánh giá thực trạng, bài kiểm tra trước và sau thực nghiệm.

Phương pháp chuyên gia: tham gia các hội nghị khoa học có chủ đề liên quan đến đề tài, công bố các bài viết trong các hội thảo chuyên ngành, tham khảo ý kiến chuyên gia tại các buổi seminar, tham khảo ý kiến chuyên gia trong quá trình thiết kế thang đo và bài kiểm tra đánh giá NL TDPB của HS.

Thực nghiệm sư phạm: thiết kế và tổ chức dạy học VB TTT có lồng ghép các biện pháp phát triển NL TDPB nhằm kiểm nghiệm tính khả thi và hiệu quả của biện pháp đã đề xuất. Việc tổ chức TN được tiến hành tại ba trường tại tỉnh Thanh Hoá với

đối tượng HS lớp 10.

Phương pháp phân tích dữ liệu: sử dụng trong quá trình xử lý các số liệu thu thập về thực trạng phát triển NL TDPB cho HS trong dạy học TTT ở trường THPT và trong quá trình TN sư phạm. Số liệu được phân tích định lượng bằng phần mềm SPSS (phiên bản 22.0) và đánh giá định tính. Kết quả phân tích dữ liệu góp phần quan trọng giúp khẳng định các đánh giá, kết luận của đề tài.

6. Giả thuyết khoa học

TDPB là một năng lực cốt lõi của người công dân toàn cầu thế kỉ 21, phát triển NL TDPB cho HS THPT là một yêu cầu cấp thiết, dạy học phần TTT có nhiều tiềm năng để tích hợp phát triển NL TDPB cho HS. Nếu nghiên cứu, làm sáng tỏ được cơ sở khoa học của việc phát triển NL TDPB cho HS trong dạy học TTT ở trường THPT và đề xuất, ứng dụng được các biện pháp tích hợp phát triển NL TDPB cho HS trong dạy học TTT thì sẽ góp phần quan trọng vào việc phát triển các thành tố của NL TDPB, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả dạy học phần TTT ở THPT, đáp ứng mục tiêu phát triển các phẩm chất và NL HS THPT theo CTGDPT năm 2018.

7. Đóng góp của luận án

7.1. Về lí luận

Góp phần bổ sung lí thuyết về: cấu trúc, tiêu chí đánh giá NL TDPB của HS trong dạy học TTT, một số luận điểm mới về các yêu cầu và biện pháp phát triển NL TDPB cho HS THPT trong giờ dạy học TTT, qua đó góp phần phát triển hệ thống lí thuyết dạy học TTT và phát triển NL tư duy cho HS ở nhà trường phổ thông.

7.2. Về thực tiễn

Góp phần xác định được thực trạng phát triển NL TDPB cho HS THPT trong dạy học đọc hiểu VB TTT, xác định được những tồn tại trong việc phát triển NL TDPB cho HS trong dạy học TTT nói riêng, trong dạy học Ngữ văn nói chung.

Cung cấp cho GV những hướng dẫn lí thuyết về các biện pháp phát triển NL TDPB cho HS THPT trong dạy học đọc hiểu VB TTT sau khi đã được chúng tôi kiểm chứng về tính khả thi, độ tin cậy và tính hiệu quả trong dạy học đọc hiểu VB TTT ở trường THPT.

Là tài liệu tham khảo cho GV và HS trong dạy học TTT, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học TTT, phát triển NL TDPB cho HS, phát triển NL tự học của HS.

Là tài liệu tham khảo trong đào tạo GV Ngữ văn ở các trường Sư phạm.

8. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần *Mở đầu*, *Kết luận*, *Danh mục các công trình công bố của tác giả*, *Phụ lục* và *Tài liệu tham khảo*, nội dung của luận án gồm 4 chương: **Chương 1:** Tổng quan về vấn đề phát triển năng lực tư duy phản biện cho học sinh trong dạy học thơ trữ tình ở trường trung học phổ thông; **Chương 2:** Cơ sở khoa học của việc phát triển

năng lực tư duy phản biện cho học sinh trong dạy học thơ trữ tình ở trường trung học phổ thông; **Chương 3:** Nguyên tắc, biện pháp phát triển năng lực tư duy phản biện cho học sinh trong dạy học thơ trữ tình ở trường trung học phổ thông; **Chương 4:** Thực nghiệm sư phạm.

Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ VIỆC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TƯ DUY PHẢN BIỆN CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRONG DẠY HỌC THƠ TRỮ TÌNH

1.1. Nghiên cứu về tư duy phản biện và việc phát triển năng lực tư duy phản biện cho HS

1.1.1. Nghiên cứu về định nghĩa tư duy phản biện

Tuy có nhiều quan điểm khác nhau về định nghĩa TDPB, song hầu hết các định nghĩa đều nhấn mạnh đến các thành tố đặc trưng của TDPB gồm: suy luận, phán đoán, siêu nhận thức, sự phản chiếu, nêu vấn đề, và quá trình nhận thức. Ở Việt Nam, các nhà giáo dục định nghĩa về TDPB phù hợp với mục tiêu phát triển NL TDPB trong từng nội dung dạy học và đối tượng người học cụ thể.

1.1.2. Nghiên cứu về đặc trưng, cấu trúc của năng lực tư duy phản biện

Các nhà nghiên cứu đã đưa ra nhiều quan niệm khác nhau về đặc trưng, cấu trúc của NL TDPB, điểm chung trong các tác giả đều khẳng định các thành tố sau của TDPB: khả năng lập luận, khả năng đánh giá, khả năng ra quyết định và giải quyết vấn đề. Các hành vi biểu hiện cụ thể của NL TDPB là: trả lời câu hỏi, xác định thuật ngữ, xác định giả định, diễn giải và giải thích, suy luận, phán đoán, nhìn nhận đa chiều. Đây là những gợi ý quan trọng để chúng tôi xác định khung cấu trúc NL TDPB và NL TDPB trong đọc hiểu VB TTT.

1.1.3. Nghiên cứu về biện pháp phát triển năng lực tư duy phản biện cho HS

Biện pháp phát triển NL TDPB được đề xuất ở cả phạm vi khái quát và phạm vi chuyên ngành cụ thể.

1.1.4. Nghiên cứu về biện pháp đánh giá năng lực tư duy phản biện của người học

Bên cạnh việc đề xuất các biện pháp phát triển NL TDPB, các nhà nghiên cứu đã quan tâm đến việc đánh giá mức độ đạt được về NL TDPB của người học, bao gồm đề xuất các công cụ đánh giá và cách thức, quy trình đánh giá, đặc biệt là đánh giá TDPB trong dạy học các môn cụ thể.

Như vậy, nghiên cứu về TDPB, phát triển NL TDPB, đánh giá NL TDPB là một vấn đề lớn, nhận được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu ở các quốc gia. Điều này cho thấy đây thực sự là một NL có tầm quan trọng đặc biệt đối với công dân trong thời đại hiện nay, và việc phát triển NL TDPB là một trong những mối quan tâm hàng đầu của giáo dục.

1.2. Tình hình nghiên cứu về dạy học thơ trữ tình và việc phát triển năng lực tư duy phản biện cho HS trong dạy học thơ trữ tình

1.2.1. Nghiên cứu về dạy học thơ trữ tình ở trường THPT

Trên thế giới, các tác giả đã quan tâm tới đặc trưng của hoạt động dạy học thơ gắn liền với đặc điểm của thể loại, hướng tới nhiều đối tượng, thơ được sử dụng như một phương tiện hữu hiệu trong việc phát triển NL ngôn ngữ và các NL thẩm mỹ của người học. Ở Việt Nam, các VB TTT đưa vào giảng dạy trong nhà trường đã nhận được sự quan tâm nghiên cứu trên nhiều phương diện: đặc điểm của dạy học TTT, cách thức tổ chức dạy học, phương pháp, chiến thuật dạy học phù hợp với đặc trưng của thể loại. Các công trình trên đây tuy không tập trung vào vấn đề tích hợp phát triển NL TDPB cho HS trong dạy học TTT song đã gợi ý cho chúng tôi một số đặc trưng quan trọng của TTT có thể khai thác để phát triển NL TDPB cho người học.

1.2.2. Nghiên cứu về phát triển năng lực tư duy phản biện cho HS trong dạy học thơ trữ tình

Các công trình nghiên cứu đề xuất biện pháp phát triển NL TDPB cho HS trong dạy học TTT đã khẳng định tiềm năng của hoạt động dạy học TTT trong việc phát triển NL TDPB và đề xuất được những biện pháp phù hợp với đặc trưng môn học, đưa đến hiệu quả cao trong giảng dạy. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu chưa đi sâu hệ thống hoá các biện pháp, các bài viết mới dừng lại ở một số khía cạnh của vấn đề.

Tiểu kết chương 1

Qua tổng quan các nghiên cứu về vấn đề phát triển NL TDPB cho HS trong dạy học TTT ở trường THPT, chúng tôi nhận thấy: Nghiên cứu về NL TDPB, các nhà nghiên cứu đã đề cập tới các khuynh hướng định nghĩa TDPB, đặc điểm và cấu trúc của NL TDPB, biện pháp phát triển NL TDPB cho người học, đánh giá NL TDPB của người học. Trong các nghiên cứu về NL TDPB và phát triển NL TDPB cho người học ở trên thế giới đã đạt được những kết quả nhất định, khái quát được những vấn đề cơ bản. Ở trong nước, các công trình nghiên cứu về TDPB được tiếp cận ở khía cạnh giáo dục học, thiên về những công trình vận dụng các lí thuyết trên thế giới trong việc phát triển NL cho người học trong dạy học các nội dung cụ thể, có rất ít công trình nghiên cứu đề xuất lí thuyết mới về TDPB.

Nghiên cứu khái quát về dạy học TTT trong và ngoài nước, chúng tôi nhận thấy, các nhà nghiên cứu đã bước đầu tìm hiểu và đề xuất được một số biện pháp phát triển NL TDPB trong dạy học TTT. Tuy nhiên, các biện pháp chưa có tính hệ thống. Trong nhiều công trình, các biện pháp chưa được thực nghiệm, phân tích đo lường định tính và định lượng đúng quy trình để kiểm chứng tính khả thi, phù hợp, hiệu quả. Bên cạnh đó, về mặt lí luận, chưa có công trình đi sâu nghiên cứu những đặc trưng cơ bản

của NL TDPB trong hoạt động đọc hiểu VB TTT, chỉ ra các biểu hiện thành tố của NL TDPB trong đọc hiểu VB TTT, biểu hiện hành vi của các thành tố kỹ năng của NL TDPB, xác định đường phát triển NL TDPB trong đọc hiểu VB TTT.

Như vậy, nghiên cứu về việc phát triển NL TDPB trong dạy học TTT hiện còn nhiều khoảng trống về lý luận và thực tiễn. Việc đề xuất nghiên cứu vấn đề này, do đó, có giá trị về mặt lý luận và thực tiễn.

Khi thực hiện đề tài, chúng tôi kế thừa, vận dụng các nền tảng kiến thức đã được khẳng định trong các công trình nghiên cứu đi trước để hoàn thiện khung lý thuyết cấu trúc NL TDPB trong đọc hiểu VB TTT, đề xuất các nguyên tắc, biện pháp phát triển NL TDPB cho HS trong dạy học đọc hiểu VB TTT ở trường THPT phù hợp với đặc trưng phân môn, đối tượng HS và điều kiện dạy học thực tế và thực nghiệm đo lường định tính và định lượng để đánh giá mức độ phù hợp, khả thi của các biện pháp.

CHƯƠNG 2. CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA VIỆC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TƯ DUY PHẢN BIỆN CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRONG DẠY HỌC THƠ TRỮ TÌNH

2.1. NL TDPB và tầm quan trọng của việc phát triển NL TDPB cho HS THPT

2.1.1. Một số khái niệm cơ bản

2.1.1.1. Khái niệm năng lực

: NL là khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng, và các thuộc tính cá nhân khác (thái độ, phẩm chất, niềm tin, ý chí, động lực,...) vào việc thực hiện thành công một loại hành động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong điều kiện cụ thể.

2.1.1.2. Khái niệm tư duy

Tư duy là quá trình nhận thức phản ánh những thuộc tính bản chất, mối liên hệ có tính quy luật của sự vật và hiện tượng trong hiện thực khách quan. Việc phát triển NL tư duy cần vận dụng hiểu biết về thao tác và giai đoạn của quá trình tư duy, đảm bảo phù hợp với đặc trưng của tư duy.

2.1.1.3. Khái niệm TDPB

TDPB là khả năng của một cá nhân tham gia hiệu quả vào quá trình ra quyết định và giải quyết vấn đề bằng cách phát hiện vấn đề; phân tích và đánh giá các bằng chứng, lý lẽ, thông tin để giải quyết vấn đề; xem xét vấn đề một cách cẩn trọng từ nhiều góc độ để rút ra những kết luận có căn cứ hoặc những giải pháp tối ưu; sẵn sàng hiệu chỉnh các kết luận khi cần thiết.

2.1.1.4. Khái niệm năng lực tư duy phản biện

NL TDPB là khả năng huy động tổng hợp các tri thức nền về khoa học, văn hoá, xã hội, hiểu biết về NL TDPB,...; kỹ năng TDPB; động cơ, hứng thú, niềm tin, hệ giá trị liên quan đến TDPB vào việc phát hiện vấn đề; phân tích và đánh giá các bằng

chúng, lí lẽ, thông tin để giải quyết vấn đề; xem xét vấn đề một cách cẩn trọng từ nhiều góc độ để rút ra những kết luận có căn cứ hoặc những giải pháp tối ưu; sẵn sàng hiệu chỉnh các kết luận khi cần thiết nhằm ra quyết định và giải quyết vấn đề một cách hiệu quả.

2.1.1.5. Khái niệm phát triển năng lực tư duy phản biện cho HS

Phát triển NL TDPB cho HS là quá trình tác động sư phạm nhằm biến đổi, tăng tiến tất cả các thành tố của NL TDPB của HS từ “vùng phát triển hiện tại” đến “vùng phát triển gần nhất”, đồng thời hình thành “vùng phát triển gần kế tiếp” để đáp ứng được mục tiêu giáo dục.

2.1.2. Cấu trúc của năng lực tư duy phản biện

Cấu trúc NL TDPB gồm hai thành phần: bề sâu (yếu tố đầu vào) và bề mặt (yếu tố đầu ra). Phần bề sâu gồm: các tri thức nền tảng về khoa học, văn hoá, xã hội,... và những hiểu biết về NL TDPB; kĩ năng TDPB; động cơ, hứng thú, niềm tin, hệ giá trị liên quan đến TDPB. Phần bề mặt là các hành vi có thể quan sát được, bao gồm: Phát hiện được vấn đề và nêu thành câu hỏi mạch lạc, có ý nghĩa; Đề xuất được các phán đoán đa chiều để ra quyết định và giải quyết vấn đề; Đánh giá cẩn trọng mức độ logic, thuyết phục của mỗi phán đoán và lựa chọn được phương án thuyết phục nhất; Hiệu chỉnh các phương án nếu phát hiện ra các điểm nguy hiểm, thiên kiến, thiếu phù hợp trong lập luận. Trong mô hình này, các yếu tố có mối liên hệ chặt chẽ với nhau trong bối cảnh cụ thể, phụ thuộc vào phạm vi chuyên môn thực hiện các nhiệm vụ.

2.1.3. Mối quan hệ giữa tư duy phản biện với tư duy sáng tạo và năng lực giải quyết vấn đề

Việc phân tích mối quan hệ chặt chẽ, tác động hai chiều và sự tương đồng ở nhiều thành tố của TDPB và TDST, NL giải quyết vấn đề cho thấy, để phát triển NL sáng tạo và giải quyết vấn đề, cần hình thành cho người học NL TDPB. Trong CTGDPT tổng thể 2018, khái niệm NL TDPB tuy không được đề cập đến trong mục tiêu NL cốt lõi cần hình thành cho HS, song để HS phát triển được NL giải quyết vấn đề và sáng tạo thì việc phát triển NL TDPB là cần thiết và quan trọng và việc đề xuất các biện pháp hiệu quả nhằm mục tiêu phát triển NL TDPB cho HS là một vấn đề cần được các nhà giáo dục quan tâm.

2.1.4. Tầm quan trọng của việc phát triển năng lực tư duy phản biện cho HS THPT

TDPB giúp HS thích nghi được với những yêu cầu mới của thời đại trong học tập và cuộc sống, là cơ sở cho sự phát triển NL sáng tạo và đảm bảo cho chất lượng của sự sáng tạo của HS. Đồng thời, TDPB cũng là công cụ giúp HS tự điều chỉnh

2.2. Tiềm năng của thơ trữ tình và việc dạy học thơ trữ tình trong việc phát triển năng lực tư duy phản biện cho HS THPT

2.2.1. Một số khái niệm cơ bản

Thơ trữ tình (TTT) là các thể thơ trong đó “những cảm xúc và suy tư của nhà thơ hoặc của nhân vật trữ tình trước các hiện tượng đời sống được thể hiện một cách trực tiếp”. Đặc trưng của thơ trữ tình là “tiếng hát của tâm hồn”, “có khả năng thể hiện những biểu hiện phức tạp của thế giới nội tâm, từ các cung bậc của tình cảm cho tới những chính kiến, tư tưởng triết học” [128, tr 317].

Đọc hiểu văn bản là quá trình tương tác tích cực với VB để cắt nghĩa, lí giải, đánh giá VB nhằm đạt được các mục tiêu đọc. KHTM là kí hiệu có cái được biểu đạt (signified) mang giá trị thẩm mĩ, được tác giả sáng tạo với mục đích nghệ thuật.

Trong VB, những KHTM đem lại những cách hiểu, cách cắt nghĩa khác nhau, thậm chí trái ngược nhau, và để làm sáng rõ các cách cắt nghĩa đó, người đọc cần đưa ra những lí lẽ lập luận chặt chẽ, xác đáng – là các KHTM có tính vấn đề. Đó là các KHTM có tính đa nghĩa, mơ hồ, hàm ngôn, có thể được nhìn nhận một cách đa chiều, tạo nên nhiều cách hiểu khác nhau, thậm chí trái chiều nhau; kết hợp sự kế thừa và sáng tạo các mô típ cũ đưa đến những cảm thụ mới mẻ; được lạ hoá.

2.2.2. Hệ thống kí hiệu thẩm mĩ có tính vấn đề trong văn bản thơ trữ tình

Trong VB TTT, KHTM có tính vấn đề gồm: Nhan đề và lời đề từ khơi gợi nhiều phán đoán; Kiểu kết cấu bất ngờ; Ngôn từ cô đọng và được lạ hoá; Hình ảnh thơ mang tính biểu tượng đa tầng nghĩa; Biện pháp tu từ mang lại các trường liên tưởng bất ngờ; Sự chuyển đổi linh hoạt của giọng thơ.

2.2.3. Mục tiêu, yêu cầu, nội dung dạy học phần thơ trữ tình trong CT, SGK Ngữ văn THPT

2.2.3.1. Mục tiêu phát triển năng lực tư duy phản biện cho HS THPT trong CTGDPT tổng thể và CTGDPT môn Ngữ văn 2018

Trong CTGDPTTT, khái niệm NL TDPB không được đề cập đến, tuy nhiên, các thành tố kĩ năng của NL TDPB và các hành vi biểu hiện của thành tố kĩ năng đó được nêu trong nội dung mục tiêu, yêu cầu cần đạt về các NL cốt lõi, đặc biệt là NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

2.2.3.2. Yêu cầu cần đạt của nội dung dạy học phần thơ trữ tình trong CTGDPT môn Ngữ văn THPT

Ở cấp THPT, yêu cầu cần đạt của dạy học đọc hiểu VB TTT đòi hỏi HS thực hiện được thao tác phân tích và đánh giá các yếu tố nghệ thuật của VB TTT, từ đó suy luận được tư tưởng, tình cảm, cảm xúc, cảm hứng được kí gửi trong VB. Ngoài ra, HS cần đánh giá được tư tưởng, tình cảm. Để thực hiện được các yêu cầu này, HS cần vận dụng các KN thành tố của NL TDPB. Vì vậy, để đạt được yêu cầu trong dạy

học VB TTT, HS cần được hướng dẫn để phát triển NL TDPB, và ngược lại, khi HS đạt được các yêu cầu này của chương trình thì NL TDPB của HS cũng được nâng cao. Các biện pháp được các nhà giáo dục đề xuất và áp dụng trong dạy học hướng tới yêu cầu cần đạt của môn học cũng đồng thời góp phần phát triển NL TDPB cho HS.

2.2.3.3. Nội dung dạy học phân thơ trữ tình trong CT, SGK Ngữ văn THPT 2018

Có thể thấy, các VB TTT được đưa vào CTGDPT Ngữ văn 2018 và SGK hiện hành rất phong phú, đa dạng về phong cách, đề tài, chủ đề. Đó là những đoạn trích, tác phẩm thơ tiêu biểu của nhiều tác giả, thể hiện những cách tân mới mẻ trong nghệ thuật thơ, phản ánh chân thực hiện thực xã hội và chân dung con người thời đại qua từng thời kì lịch sử với những phương diện phong phú. Đây là các VB có tiềm năng lớn trong việc khơi gợi các vấn đề, làm cơ sở để HS đưa ra những cách cắt nghĩa, lí giải, đánh giá đa chiều, từ đó phát triển được NL TDPB.

Các VB đã được cung cấp theo các giai đoạn hình thành và phát triển NL. Cụ thể, các VB thơ được chọn dạy để HS hình thành NL đọc thơ dưới sự hướng dẫn của GV với những chỉ dẫn cụ thể theo ba giai đoạn đọc (trước khi đọc, trong khi đọc, sau khi đọc) và các VB thơ được chọn để HS thực hành tự đọc kết hợp tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng. Chính việc thực hành tự đọc kết hợp tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng này sẽ góp phần quan trọng giúp HS phát huy được tính chủ động, tích cực, khả năng đánh giá, tinh thần phản tư – là những biểu hiện quan trọng của NL TDPB.

Ngoài ra, tính mở của CTGDPT Ngữ văn 2018 thể hiện ở việc GV được lựa chọn giảng dạy các VB ngoài SGK. Theo đó, để phát triển NL TDPB, GV có thể lựa chọn thêm VB TTT ngoài SGK phù hợp với định hướng phát triển NL TDPB.

2.2.3.4. Hoạt động đọc hiểu văn bản thơ trữ tình có tiềm năng lớn trong việc phát triển năng lực tư duy phản biện

VB văn học, đặc biệt là các VB TTT vốn hàm ngôn, đa nghĩa. Người đọc cần nhận biết những hàm ý sâu xa của VB dựa trên lớp ngôn từ cô đọng thông qua quá trình giải thích, phân tích, suy luận, đánh giá,... Theo Facion (1990), các KN quan trọng của NL TDPB là giải thích, phân tích, suy luận, đánh giá, và đặc biệt là kĩ năng diễn giải - thấu hiểu thông tin, truyền đạt thông tin một cách chính xác cho người khác, hấp thu được những ý nghĩa ẩn giấu, những điều không được viết rõ hoặc những nội dung được hàm ý sâu xa [30, tr 42]. Do đó, quá trình GV hướng dẫn HS đọc hiểu VB TTT theo quan điểm HS là một bạn đọc sáng tạo, độc lập sẽ giúp HS rèn luyện các thành tố của NL TDPB.

2.2.4. Đặc điểm nhận thức của HS THPT – cơ sở để phát triển năng lực tư duy phản biện trong dạy học thơ trữ tình

Theo *Tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm*, ở HS THPT, “cấu trúc bên trong của não phức tạp và các chức năng của não phát triển. Cấu trúc của tế bào bán cầu đại não có những đặc điểm như trong cấu trúc tế bào não của người lớn. Số lượng dây thần kinh liên hợp tăng lên, liên kết các phần khác nhau của vỏ não lại. Điều đó tạo tiền đề cần thiết cho sự phức tạp hoá hoạt động phân tích, tổng hợp... của vỏ bán cầu đại não trong quá trình học tập” [139, tr 61]. Cũng theo các tác giả, tư duy của HS THPT có những thay đổi quan trọng so với HS trung học cơ sở: “các em có khả năng tư duy lí luận, tư duy trừu tượng một cách độc lập sáng tạo”, “chặt chẽ hơn, có căn cứ và nhất quán hơn”, “tính phê phán của tư duy cũng phát triển”... Sự phát triển của tư duy lí luận và tư duy trừu tượng cũng giúp HS “xây dựng được một hệ thống quan điểm riêng”, có thể đánh giá được thế giới khách quan [139, tr 68]. Những đặc điểm về nhận thức này ở HS THPT có thể tạo cơ sở để giải quyết các vấn đề đặt ra trong VB TTT một cách đa chiều, hiệu quả, từ đó phát triển được NL TDPB.

2.3. Cấu trúc năng lực tư duy phản biện trong đọc hiểu văn bản thơ trữ tình

2.3.1. Mô hình cấu trúc năng lực tư duy phản biện của HS THPT trong hoạt động đọc hiểu văn bản thơ trữ tình

Trong cấu trúc tảng băng NL TDPB trong đọc hiểu VB TTT, phần bề mặt của tảng băng – cũng là phần đầu ra của NL là 4 thành tố có thể quan sát và đo lường. Việc xác định 4 thành tố này vừa dựa trên cấu trúc của NL TDPB vừa dựa vào đặc điểm của quá trình đọc VB văn chương, đặc biệt là quá trình đọc hiểu các KHTM có tính vấn đề trong VB TTT. Đó là các thành tố sau:

(1) Phát hiện được các KHTM có tính vấn đề trong VB TTT và nêu thành câu hỏi mạch lạc, có ý nghĩa.

(2) Đề xuất được các cách cắt nghĩa, lí giải, đánh giá đa chiều về nghĩa và ý nghĩa của KHTM trong VB TTT.

(3) Đánh giá cẩn trọng mức độ logic, thuyết phục của mỗi cách cắt nghĩa, lí giải, đánh giá về KHTM và lựa chọn được cách cắt nghĩa, lí giải, đánh giá thuyết phục nhất.

(4) Hiệu chỉnh các cắt nghĩa, lí giải, đánh giá về KHTM trong VB TTT nếu phát hiện ra các điểm nguy hiểm, thiên kiến, thiếu phù hợp trong lập luận.

Thành tố bề sâu của NL TDPB trong đọc hiểu VB TTT của HS THPT – là các yếu tố đầu vào của NL:

(1) Kiến thức liên quan tới NL TDPB và đọc hiểu VB TTT

(2) Kỹ năng TDPB trong đọc hiểu VB TTT

(3) Động cơ, hứng thú, niềm tin, hệ giá trị liên quan tới vấn đề phát triển NL TDPB trong đọc hiểu VB TTT

2.3.2. Chỉ số hành vi của các thành tố đầu ra của năng lực tư duy phản biện trong đọc hiểu văn bản thơ trữ tình

2.3.3. Đường phát triển và thang đo đánh giá năng lực tư duy phản biện của HS THPT trong hoạt động đọc hiểu văn bản thơ trữ tình

Chúng tôi xác định chỉ số hành vi của các thành tố đầu ra của NL TDPB của HS trong đọc hiểu VB TTT làm cơ sở thiết lập đường phát triển NL TDPB của HS trong đọc hiểu VB TTT. Đường phát triển NL TDPB của HS trong đọc hiểu VB TTT gồm các mức sau: Chưa đạt - Đạt – Khá - Tốt - Thuần thục.

2.4. Thực trạng năng lực tư duy phản biện và việc phát triển năng lực tư duy phản biện cho HS THPT trong dạy học thơ trữ tình hiện nay

2.4.1. Mục tiêu khảo sát

Đánh giá được thực trạng NL TDPB của HS THPT và thực trạng phát triển NL TDPB cho HS THPT trong dạy học đọc hiểu VB TTT nhằm xác định cơ sở thực tiễn cho việc đề xuất các biện pháp phát triển NL TDPB cho HS THPT trong dạy học đọc hiểu VB TTT.

2.4.2. Đối tượng, phạm vi khảo sát

2.4.2.1. Đối tượng khảo sát

SGK, sách giáo viên lớp 10, tài liệu hướng dẫn dạy học của CTGDPT môn Ngữ văn 2006 và 2018; GV Ngữ văn và HS ở các trường THPT; Kế hoạch bài dạy học đọc hiểu VB TTT của GV Ngữ văn THPT.

2.4.2.2. Phạm vi khảo sát

2.4.3. Công cụ và phương pháp khảo sát

Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi.

Phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động.

Phương pháp phỏng vấn sâu.

Phương pháp nghiên cứu kế hoạch bài dạy.

Phương pháp quan sát.

2.4.4. Miêu tả và đánh giá thực trạng

Phần lớn GV và HS đều nhận thấy tầm quan trọng của việc phát triển NL TDPB cho HS. Đây là điều kiện thuận lợi quan trọng giúp nâng cao chất lượng phát triển NL này ở người học. Tuy nhiên, do nền tảng NL TDPB của người học còn hạn chế, khó khăn đến từ nhiều yếu tố, nên thực trạng phát triển NL TDPB cho HS trong dạy học đọc hiểu VB TTT còn nhiều hạn chế. Trong hoạt động dạy học đọc hiểu VB TTT, có thể thấy, GV đã lưu ý đến việc phát triển NL TDPB cho HS – điều này tạo được thuận lợi nhất định trong việc phát triển NL TDPB cho HS, song các biện pháp

vẫn chưa thực sự hiệu quả, sự tích cực, chủ động của người học chưa được khích lệ, phát huy nhiều. Thực trạng khảo sát trên đây cho thấy, việc đề xuất các biện pháp phát triển NL TDPB cho HS là vấn đề cần thiết, không chỉ giúp nâng cao NL TDPB cho HS mà còn giúp nâng cao NL đọc hiểu VB TTT.

Tiểu kết chương 2

Hướng tới mục tiêu phát triển NL TDPB cho HS trong dạy học đọc hiểu VB TTT, chúng tôi xác định cơ sở lí luận về NL TDPB, TTT, NL TDPB trong đọc hiểu VB TTT, tiềm năng phát triển NL TDPB trong dạy học đọc hiểu VB TTT. Có thể thấy, NL TDPB là một trong các NL cốt lõi quan trọng cần hình thành cho người học. NL này không chỉ giúp nâng cao chất lượng học tập mà còn giúp HS nâng cao chất lượng sống, đưa ra được những quyết định đúng đắn. Dạy học VB TTT có tiềm năng lớn trong việc phát triển NL TDPB cho người học.

Bên cạnh đó, chúng tôi xác định cơ sở thực tiễn cho vấn đề nghiên cứu, khảo sát nhận thức của GV và HS về NL TDPB, thực trạng NL TDPB của HS THPT và thực trạng phát triển NL TDPB cho HS trong dạy học đọc hiểu VB TTT. Kết quả khảo sát cho thấy, tuy GV và HS đã có những hiểu biết cơ bản về NL TDPB và vai trò của NL này đối với người học, nhưng GV chưa khai thác được tiềm năng phát triển NL TDPB cho HS trong quá trình dạy học đọc hiểu VB TTT, HS chưa có nhiều cơ hội để thực hành rèn luyện nên NL này ở người học còn hạn chế.

Cơ sở khoa học được phân tích là nền tảng cơ sở để chương 3 luận án đề xuất các biện pháp phát triển NL TDPB cho HS trong dạy học đọc hiểu VB TTT.

CHƯƠNG 3. NGUYÊN TẮC, BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TƯ DUY PHẢN BIỆN CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRONG DẠY HỌC THƠ TRỮ TÌNH

3.1. Các nguyên tắc khi phát triển năng lực tư duy phản biện cho HS THPT trong dạy học thơ trữ tình

Các nguyên tắc khi phát triển NL TDPB cho HS THPT trong dạy học TTT gồm: 1- Đảm bảo đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phát triển NL HS THPT theo CTGDPT tổng thể và CTGDPT môn Ngữ văn năm 2018; 2- Đảm bảo phù hợp với đặc trưng của VB TTT và hoạt động đọc hiểu VB TTT; 3- Đảm bảo phù hợp với đặc điểm tâm lí và năng lực trí tuệ của HS THPT; 4- Đảm bảo tích hợp linh hoạt các biện pháp phát triển NL TDPB trong tiến trình dạy học đọc hiểu VB TTT.

3.2. Biện pháp phát triển năng lực tư duy phản biện cho HS trong dạy học thơ trữ tình ở trường THPT

3.2.1. Bổ sung tri thức nền về thơ trữ tình và năng lực tư duy phản biện cho HS

Việc trang bị tri thức cho HS có vai trò quan trọng trong việc phát triển NL TDPB cho HS. Trong đọc hiểu VB TTT, với tri thức nền sâu và rộng, HS có thể

nhanh chóng huy động thông tin để đưa ra được nhiều nhất có thể các phán đoán ban đầu về nghĩa và ý nghĩa của KHTM. Đây cũng là cơ sở để HS tìm được nhiều thông tin có giá trị để làm sáng tỏ hoặc đề xuất thêm các phán đoán mới.

Để bổ sung tri thức nền về TTT và NL TDPB cho HS, GV hướng dẫn HS xác định phạm vi tri thức nền cần bổ sung, cách thức bổ sung tri thức nền, cách đánh giá nguồn tài liệu và sử dụng sơ đồ tư duy để hệ thống hoá các tri thức nền.

3.2.2. Hướng dẫn HS phát hiện các kí hiệu thẩm mỹ có tính vấn đề trong văn bản thơ trữ tình và nêu thành các câu hỏi mạch lạc, có ý nghĩa

Trong VB TTT, vấn đề thường nằm ở các KHTM, bởi KHTM mang các thông điệp thẩm mỹ. Do đó, việc phát hiện được KHTM có tính vấn đề không chỉ là một mục tiêu của đọc hiểu mà còn là KN quan trọng đầu tiên cần rèn luyện để phát triển NL TDPB cho HS.

Để HS phát hiện các kí hiệu thẩm mỹ có tính vấn đề trong văn bản thơ trữ tình và nêu thành các câu hỏi mạch lạc, có ý nghĩa, GV cần thực hiện những biện pháp sau: 1- Hướng dẫn HS xác định các KHTM có tiềm năng khơi gợi vấn đề trong VB TTT; 2- Hướng dẫn HS đặt các dạng câu hỏi mạch lạc, có ý nghĩa; 2- Sử dụng phiếu học tập ghi chú bên lề; 3- Hướng dẫn HS sử dụng chiến thuật “Cuốn phim trí óc”.

3.2.3. Hướng dẫn HS cách kiến giải đa chiều về nghĩa và ý nghĩa của kí hiệu thẩm mỹ có tính vấn đề trong văn bản thơ trữ tình

Trong đọc hiểu VB TTT, việc đưa ra phán đoán đa chiều để giải quyết vấn đề - một biểu hiện quan trọng của NL TDPB, được cụ thể hoá bằng việc người đọc chủ động, tích cực đưa ra được nhiều nhất có thể các cách kiến giải đa chiều về các vấn đề đặt ra trong KHTM. Biện pháp cụ thể như sau: 1- Hướng dẫn HS đưa ra các cách kiến giải ban đầu về KHTM có tính vấn đề trong VB TTT; 2- Hướng dẫn HS tìm kiếm, xử lí thông tin và suy luận để đưa ra các cách kiến giải đa chiều về KHTM có tính vấn đề trong VB TTT; 3- Áp dụng một số kĩ thuật nâng cao hiệu quả của quá trình đưa ra cách kiến giải về KHTM có tính vấn đề trong VB TTT (kĩ thuật gán ghép ngẫu nhiên, kĩ thuật công não, kĩ thuật tranh luận ủng hộ - phản đối, kĩ thuật nhập vai, kĩ thuật sáu chiếc mũ tư duy).

3.2.4. Hướng dẫn HS đánh giá mức độ thuyết phục của mỗi cách kiến giải để lựa chọn được cách thuyết phục nhất về kí hiệu thẩm mỹ

GV hướng dẫn HS: 1- Xác định các tiêu chí đánh giá các cách cắt nghĩa, lí giải, nhận định về vấn đề của các KHTM trong VB TTT; 2- Sử dụng các dạng câu hỏi đánh giá thông tin, cách thức suy luận, kết luận về các KHTM có tính vấn đề trong VB TTT dựa trên các tiêu chí; 3- Áp dụng hình thức đối thoại truy vấn Socrates; 4- Sử dụng bảng kiểm đánh giá lập luận để lựa chọn cách kiến giải thuyết phục nhất về các KHTM có tính vấn đề trong VB TTT.

3.2.5. Hướng dẫn HS hiệu chỉnh các cách kiến giải về kí hiệu thẩm mỹ trong văn bản thơ trữ tình nếu phát hiện ra các lỗi lập luận

GV hướng dẫn HS bổ sung thêm thông tin đa chiều, loại bỏ các thông tin chưa chính xác, không quan trọng, không có liên quan, chưa phù hợp, đồng thời thực hiện ngược lại các thao tác nguy hiểm.

Tiểu kết chương 3

Ở chương 3, chúng tôi đề xuất các nguyên tắc và biện pháp cụ thể nhằm phát triển NL TDPB cho HS trong đọc hiểu VB TTT. Các nguyên tắc cần đảm bảo trong phát triển NL TDPB gồm: 1, Đảm bảo phù hợp và đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phát triển NL HS THPT theo CTGDPT tổng thể và CTGDPT môn Ngữ văn 2018; 2, Đảm bảo phù hợp với đặc trưng của VB TTT và hoạt động đọc hiểu VB TTT; 3, Đảm bảo phù hợp với đặc điểm tâm lí và NL trí tuệ của HS THPT; 4, Đảm bảo tích hợp phù hợp các biện pháp phát triển năng lực tư duy phản biện trong tiến trình dạy học đọc hiểu văn bản thơ trữ tình. Biện pháp được đề xuất gồm: 1, Bổ sung tri thức nền cho HS - cơ sở để phát triển NL TDPB trong đọc hiểu VB TTT; 2, Hướng dẫn HS phát hiện các KHTM có tính vấn đề trong VB TTT và nêu thành các câu hỏi mạch lạc, có ý nghĩa; 3, Hướng dẫn HS đề xuất các cách kiến giải đa chiều về nghĩa và ý nghĩa của KHTM có tính vấn đề trong VB TTT; 4, Hướng dẫn HS đánh giá mức độ thuyết phục của mỗi cách kiến giải để lựa chọn được cách thuyết phục nhất; 5, Hướng dẫn HS hiệu chỉnh các cách kiến giải về KHTM trong VB TTT nếu phát hiện ra các lỗi lập luận. Ở mỗi nhóm biện pháp, chúng tôi làm rõ mục tiêu và nội dung, cách thức áp dụng một số kĩ thuật, công cụ để phát triển NL TDPB cho HS trong quá trình dạy học đọc hiểu VB TTT. Các biện pháp đã đề xuất gắn liền với các giai đoạn tư duy, có lưu ý cách thức tích hợp trong tiến trình dạy học đọc hiểu VB TTT, do đó, chúng có mối quan hệ tiếp nối, kế thừa, cần được áp dụng đồng bộ, linh hoạt, phù hợp với đặc trưng của VB TTT, đối tượng HS và điều kiện thực tế của lớp học. Các biện pháp là các hướng dẫn sự phạm của GV tác động tới HS, HS có vai trò chủ động, tích cực trong quá trình tham gia các hoạt động học tập, Việc HS được tôn trọng, lắng nghe, tạo cơ hội được bộc lộ quan điểm cá nhân trong các nhiệm vụ học tập sẽ góp phần quan trọng để HS hình thành được động cơ học tập bền vững.

CHƯƠNG 4. THỰC NGHIỆM SỰ PHẠM

4.1. Mục tiêu thực nghiệm

Đối chiếu, kiểm nghiệm tính khả thi và hiệu quả thực tế của các biện pháp phát triển NL TDPB cho HS trong giờ học thơ trữ tình đã được đề xuất, mô tả ở chương 3

của luận án, góp phần xác định những vấn đề lí luận cần bổ sung, điều chỉnh trong phương pháp luận dạy học thơ trữ tình ở trường THPT.

Tiếp tục góp phần khẳng định quan điểm đổi mới dạy học nói chung, môn Ngữ văn ở nhà trường phổ thông Việt Nam nói riêng theo hướng phát triển năng lực người học.

4.2. Nội dung thực nghiệm

4.2.1. Nội dung bài dạy thực nghiệm

Vòng 1: Chùm thơ hai-cư Nhật Bản

Vòng 2: Thực hành đọc văn bản thơ hai-cư

Nội dung dạy học văn bản thơ hai-cư nằm trong SGK Ngữ văn 10 – bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*. Việc lựa chọn các nội dung bài dạy TN xuất phát từ việc đánh giá các VB thơ hai-cư có tiềm năng phát triển NL TDPB cho HS: VB thơ hai-cư là thể thơ truyền thống của Nhật Bản – được xem là thể thơ ngắn nhất thế giới, thể hiện rõ đặc trưng cô đọng, hàm súc, có nhiều KHTM có tính vấn đề, khơi gợi tiếp cận đa chiều. Bên cạnh đó, việc đọc các VB thơ dịch tuy có hạn chế ở việc HS không được đọc trực tiếp thông qua ngôn ngữ nguyên tác nhưng chính vì có nhiều phiên bản dịch nên HS có cơ hội đối sánh các bản dịch với nguyên bản và so sánh các bản dịch với nhau, tạo cơ hội để phát triển khả năng lập luận thuyết phục của HS – phát triển được NL TDPB.

4.2.2. Giới hạn nội dung thực nghiệm

Ở chương 3 của luận án, chúng tôi đề xuất hệ thống 5 biện pháp nhằm nâng cao tri thức nền và nâng cao chất lượng biểu hiện hành vi của HS, mỗi biện pháp được triển khai qua nhiều kĩ thuật, cách thức khác nhau. Trong TN, chúng tôi thực nghiệm 5 biện pháp, tuy nhiên, do phạm vi của đề tài, chúng tôi không tiến hành TN kiểm chứng được tất cả các kĩ thuật, cách thức đã đề xuất. Ở mỗi biện pháp, chúng tôi chọn lựa các kĩ thuật, cách thức tiến hành với tiêu chí đảm bảo phù hợp với đơn vị kiến thức của bài học và đối tượng HS ở các lớp TN.

4.3. Đối tượng, địa bàn, thời gian thực nghiệm

4.3.1. Tiêu chí lựa chọn GV và HS tham gia thực nghiệm

GV có tuổi nghề từ 5 năm trở lên, trình độ cử nhân Sư phạm, nhiệt tình trong giảng dạy, sẵn sàng tiếp thu những thành tựu mới về lí luận và PPDH.

HS lớp 10 do HS chưa bị áp lực của kì thi Tốt nghiệp THPT và thi Đại học nên tham gia thực nghiệm với tâm thế thoải mái hơn.

Trong năm học 2022-2023, lớp 10 bắt đầu thực hiện dạy học bộ SGK mới của CTGDPT môn Ngữ văn 2018. Việc tổ chức dạy học thực nghiệm ở lớp 10 góp phần giúp chúng tôi đánh giá hiệu quả của các biện pháp đã đề xuất trong dạy học theo định hướng phát triển NL.

4.3.2. Tiêu chí lựa chọn địa bàn thực nghiệm

Trường học đủ điều kiện phục vụ cho việc dạy học.

Đội ngũ cán bộ quản lí, GV đảm bảo về chuyên môn và nhiệt tình tham gia TN.

Trường TN phân bố ở ba vùng của tỉnh Thanh Hoá: miền biển, miền núi và đồng bằng. Tiêu chí này đặt ra để đối chiếu kết quả TN trên các đối tượng HS khác nhau, đồng thời cũng nhằm đánh giá mức độ khả thi của việc triển khai các biện pháp đã được đề xuất trong luận án ở các trường có chất lượng không đồng đều trên diện rộng.

4.3.3. Thời gian thực nghiệm

Việc TN được thực hiện trong năm học 2022-2023.

Vòng 1: Tháng 10/2022.

Vòng 2: Tháng 01/2023.

4.4. Quy trình thực nghiệm

Quy trình TN được triển khai với các bước cụ thể sau:

Bước 1: Xác định mục tiêu, đối tượng, địa bàn và dự kiến kết quả TN

Bước 2: Chuẩn bị cho việc dạy học TN

Bước 3: Tổ chức đánh giá mức độ đạt được NL đầu vào của HS

Bước 4: Tổ chức dạy học vòng 1.

Bước 5: Tổ chức đánh giá NL TDPB của HS sau khi thực hiện các biện pháp phát triển NL TDPB trong dạy học VB TTT vòng 1

Bước 6: Tổ chức dạy học vòng 2

Bước 7: Tổ chức đánh giá NL TDPB của HS sau khi thực hiện dạy học VBTTT tích hợp phát triển NL TDPB vòng 2

Bước 8: Xử lí kết quả thực nghiệm

Bước 9: Nhận xét, đánh giá kết quả TN và kết luận về tính khả thi, tính hiệu quả của các biện pháp đã đề xuất

4.5. Thiết kế bài dạy thực nghiệm

4.6. Đánh giá kết quả thực nghiệm

4.6.1. Tiêu chí đánh giá

Đánh giá NL TDPB của HS thông qua việc đối chiếu, so sánh điểm số của bài kiểm tra đầu vào và các bài kiểm tra sau TN vòng 1 và vòng 2.

Hứng thú và chất lượng tham gia tương tác với GV và với bạn học của HS trong giờ học (câu trả lời, thái độ trong tranh luận, câu trả lời phỏng vấn,...).

Sự phản hồi của GV về việc áp dụng kế hoạch bài dạy VB TTT có sử dụng các phương pháp và kĩ thuật hướng tới mục tiêu phát triển NL TDPB.

4.6.2. Cách thức đánh giá kết quả thực nghiệm

Để đánh giá NL TDPB của HS THPT trong đọc hiểu VB TTT, chúng tôi thiết kế 3 đề kiểm tra: trước TN, sau TN vòng 1 và sau TN vòng 2. Mục đích của các đề kiểm tra là đánh giá khả năng TDPB của HS được thể hiện qua khả năng thực hiện các hành vi biểu hiện của NL TDPB trong đọc hiểu VB TTT. Trong phạm vi luận án, chúng tôi thực hiện đánh giá 3 thành tố sau:

(1) Phát hiện được các KHTM có tính vấn đề trong VB TTT và nêu thành câu hỏi mạch lạc, có ý nghĩa – Kí hiệu là TT1

(2) Đề xuất được các cách kiến giải đa chiều về nghĩa và ý nghĩa của KHTM trong VB TTT – Kí hiệu là TT2

(3) Đánh giá cẩn trọng mức độ logic, thuyết phục của mỗi cách kiến giải về KHTM và lựa chọn được cách thuyết phục nhất – Kí hiệu là TT3

Trong các đề kiểm tra, ngữ liệu được sử dụng là những VB TTT chưa có trong SGK hiện hành, đảm bảo các tiêu chí lựa chọn ngữ liệu được đề cập đến trong CTGDPT môn Ngữ văn 2018.

Để đảm bảo tính khách quan và chính xác của các công cụ đo, chúng tôi tiến hành phỏng vấn chuyên gia về việc đánh giá độ khó của đề kiểm tra. Đây là cơ sở để khẳng định đề kiểm tra có độ tin cậy cao trong việc đánh giá NL TDPB của HS THPT (Phụ lục số 12, 13, 14).

4.6.3. Kết quả đánh giá TN về mặt định lượng

Kết quả thống kê cho thấy mức điểm trung bình và mức điểm riêng của từng thành tố NL đều tăng lên, HS ở các lớp TN của cả ba trường đều có sự tiến bộ về NL TDPB trong từng giai đoạn TN. Tuy nhiên, có thể nhận thấy, mức độ tăng của các thành tố khác nhau là khác nhau.

4.6.4. Kết quả đánh giá TN về mặt định tính

4.6.4.1. Đánh giá sự thay đổi hành vi của HS

Trong quá trình TN vòng 1, HS hứng thú khi được tiếp cận cách tiếp cận VB TTT theo cách thức mới. Các em được đặt câu hỏi về VB, nêu ra những băn khoăn, thắc mắc về VB và đưa ra những cách cắt nghĩa, lí giải, đánh giá của cá nhân một cách thoải mái với bạn và với thầy cô. Trong các tình huống GV đề xuất hoặc HS tự phát hiện ra các cách kiến giải trái chiều nhau về cùng một KHTM, các em tranh luận, đưa ra được các lí lẽ và dẫn chứng thuyết phục cho quan điểm của mình, tạo không khí lớp học sôi nổi. 76,4 % HS phản hồi có hứng thú cao trong giờ học khi được nêu lên quan điểm cá nhân trong giờ học một cách thoải mái.

Tuy nhiên, vẫn còn một số HS chưa quen với cách học này nên chưa chủ động đặt được các câu hỏi về VB, nêu lên quan điểm cá nhân trong việc cắt nghĩa, lí giải, đánh giá VB. Do HS chưa rèn luyện các kĩ năng đặt câu hỏi, đánh giá KHTM, chưa tự tin với việc nêu lên quan điểm cá nhân, chưa có nhiều vốn sống, vốn hiểu biết để

có thể đưa ra các lí lẽ và dẫn chứng phục vụ cho việc làm sáng rõ quan điểm cá nhân hay bác bỏ quan điểm khác...

Trong quá trình TN vòng 2, tuy GV không cung cấp phiếu đọc hiểu định hướng các thao tác, nhưng số lượng câu hỏi HS đặt được tăng lên, những câu hỏi của HS mạch lạc hơn, HS đã biết đặt những câu hỏi có ý nghĩa, HS biết tìm kiếm các thông tin có liên quan một cách nhanh chóng hơn, đa chiều hơn khi giải quyết một vấn đề trong đọc hiểu VB TTT. Đứng trước ý kiến của bạn học, HS nhanh chóng đưa ra được nhận định đánh giá và có bổ sung cách nhìn nhận khi cần thiết. Ở vòng 2, tỉ lệ HS phản hồi có hứng thú cao trong giờ học khi được nêu lên quan điểm cá nhân trong giờ học một cách thoải mái tăng lên 87,3 %. Tuy nhiên, lớp học vẫn có sự phân hoá, một bộ phận HS chưa tích cực trong việc nêu quan điểm cá nhân.

Điều này cho thấy, việc thay đổi phương pháp, kĩ thuật, quy trình dạy học nói chung, trong dạy học VB TTT nói riêng cần có quá trình rèn luyện và thời gian để HS có thể thay đổi hành vi, thích nghi với cách học mới. Đây cũng là căn cứ để chúng tôi điều chỉnh và cải tiến quy trình giờ dạy học đọc hiểu VB TTT ngày càng phù hợp với thực tiễn: hướng dẫn các kĩ thuật đặt câu hỏi, hướng dẫn HS lưu ý tới các dạng KHTM trong VB TTT, hướng dẫn phạm vi tri thức nền cần tham khảo khi dạy học nội dung VB nhất định, tăng cường các hoạt động làm việc nhóm đôi, tổ chức để HS được thuyết trình trước lớp.

4.6.4.2. Đánh giá sự thay đổi hành vi của GV

Tổ chức dạy TN tiết học đọc hiểu VB TTT theo định hướng phát triển NL TDPB cho HS, GV nhận thấy quy trình xây dựng kế hoạch bài dạy và tổ chức dạy học VB TTT theo định hướng phát triển NL TDPB có sự đổi mới so với cách dạy truyền thống.

Với quy trình mới, HS tự phát hiện vấn đề, tự đặt câu hỏi, điều này sẽ giúp HS tự chủ trong quá trình học tập, giúp giờ dạy hứng thú, sôi nổi hơn, HS đề xuất được nhiều cách cắt nghĩa, lí giải, đánh giá sáng tạo, mới mẻ, khơi gợi được vốn hiểu biết cá nhân phong phú. 100% GV được phỏng vấn sau TN khẳng định đây là một hướng tổ chức dạy học tích cực, phát huy được sự chủ động, tích cực, sáng tạo của HS.

4.6.5. Đánh giá chung về kết quả thực nghiệm

Sau khi tổ chức TN, chúng tôi nhận thấy kết quả đánh giá định lượng, định tính khẳng định NL TDPB của người học có sự tiến bộ khi áp dụng các biện pháp đã được đề xuất. Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức TN, chúng tôi đồng thời nhận thấy quy trình thực hiện vẫn tồn tại một số điểm hạn chế gây nên khó khăn cho người dạy và người học, cần có sự nghiên cứu điều chỉnh phù hợp.

4.7. Một số kết luận sau thực nghiệm

Việc áp dụng các biện pháp phát triển NL TDPB cho HS trong dạy học đọc

hiệu VB TTT đã tạo nên hiệu quả tích cực trong thực tế giảng dạy, HS các lớp TN đã cải thiện đáng kể điểm số trong bài kiểm tra về NL TDPB, cho thấy sự phát triển NL của người học.

Thực hiện dạy học theo quy trình mới, GV cần có sự linh hoạt, sáng tạo, nền tảng kiến thức sâu rộng, có tư duy mở trong việc tiếp nhận các quan điểm trái chiều từ phía người học, tạo không khí lớp học dân chủ để HS tự tin trình bày quan điểm cá nhân. HS cần chủ động, tích cực trong quá trình học tập, có được thái độ phản biện phù hợp trong tranh luận, biết tôn trọng, lắng nghe các quan điểm trái chiều, tự mở rộng vốn hiểu biết, trải nghiệm cá nhân để nâng cao chất lượng lập luận.

Quá trình thực nghiệm đã kiểm chứng được các biện pháp mà luận án đã đề xuất ở chương 3 là phù hợp và đem lại hiệu quả trong việc phát triển NL TDPB cho HS trong dạy học đọc hiểu VB TTT. Giả thuyết khoa học đã được chứng minh là đúng đắn. Tuy nhiên, NL TDPB gồm nhiều thành tố và mức độ phát triển của mỗi thành tố là khác nhau, việc phát triển NL TDPB nói chung và phát triển các thành tố của NL TDPB nói riêng là một quá trình lâu dài, trong quá trình áp dụng các nguyên tắc và biện pháp, GV cần thiết có sự điều chỉnh phù hợp với tiến trình phát triển NL của HS.

Tiểu kết chương 4

Mục đích của TN sư phạm là kiểm chứng tính khả thi, phù hợp, hiệu quả của các biện pháp đã đề xuất nhằm phát triển NL TDPB cho HS trong dạy học đọc hiểu VB TTT. Thực tế hoạt động TN tại trường THPT Hà Văn Mao, Tỉnh Gia 2, Hàm Rồng đã cho thấy: (1) NL TDPB của HS lớp TN đã có những tiến bộ bước đầu khi kết quả bài kiểm tra sau TN cao hơn lớp ĐC, HS tích cực, chủ động, sáng tạo, đề xuất được các cách cắt nghĩa, lí giải, đánh giá mới mẻ về vấn đề trong VB; (2) GV vận dụng hiệu quả được các biện pháp được cụ thể hoá trong kế hoạch bài dạy, tổ chức lớp học sôi nổi, hào hứng, nhận thấy sự thay đổi trong hoạt động học tập của HS.

Việc đánh giá hiệu quả thực nghiệm được căn cứ trên dữ liệu định lượng và định tính, đảm bảo tính chính xác, khách quan của việc đánh giá.

Như vậy, quá trình TN đã cho thấy các biện pháp được đề xuất ở chương 3 luận án có tính khả thi, phù hợp trong dạy học đọc hiểu VB TTT ở trường THPT, đặc biệt phù hợp với định hướng dạy học phát triển NL HS theo CTGDPT 2018.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Sau quá trình nghiên cứu về vấn đề phát triển NL TDPB cho HS trong dạy học đọc hiểu VB TTT ở trường THPT, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

1.1. Phát triển NL TDPB cho HS trong dạy học đọc hiểu VB TTT là một vấn đề có ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn. HS phát triển NL TDPB sẽ có cái nhìn đa chiều, khám phá được những ý tưởng mới mẻ, sâu sắc. Như vậy, HS không chỉ phát triển được NL cốt lõi mà còn nâng cao được khả năng đọc hiểu VB TTT. Tuy có vai trò quan trọng, nhưng vấn đề phát triển NL TDPB cho HS trong dạy học nói chung và trong dạy học VB TTT nói riêng chưa được quan tâm đúng mức. Tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về vấn đề phát triển NL TDPB cho HS trong dạy học TTT ở trường THPT, chúng tôi nhận thấy, hiện chưa có công trình nghiên cứu hệ thống, hiệu quả. Chọn vấn đề này để nghiên cứu, luận án đã có đóng góp cả về lí luận và thực tiễn, đề tài phù hợp với định hướng phát triển NL của CTGDPTTT 2018, đáp ứng được yêu cầu đào tạo nhân lực trong thời đại hiện nay.

1.2. Luận án đã làm rõ cơ sở lí luận và thực tiễn của việc phát triển NL TDPB cho HS trong dạy học đọc hiểu VB TTT. Cụ thể, luận án đã hệ thống những vấn đề cơ bản về NL TDPB (khái niệm, cấu trúc, vai trò, đặc điểm của người có NL TDPB tốt, mối quan hệ giữa TDPB với tư duy sáng tạo và NL giải quyết vấn đề, tầm quan trọng của việc phát triển NL TDPB cho HS THPT), chỉ ra tiềm năng của VB TTT và việc dạy học TTT trong việc phát triển NL TDPB cho HS THPT, xác định cấu trúc, đường phát triển, thang đo đánh giá NL TDPB trong đọc hiểu VB TTT. Khảo sát thực trạng, luận án đã đánh giá được NL TDPB của HS THPT và việc phát triển NL TDPB cho HS THPT trong giờ dạy học TTT hiện còn nhiều hạn chế, chưa hiệu quả.

1.3. Định hướng phát triển NL TDPB cho HS trong dạy học đọc hiểu VB TTT, luận án đã đề xuất một số nguyên tắc và biện pháp. Các nguyên tắc cần đảm bảo trong phát triển NL TDPB gồm: 1, Đảm bảo phù hợp và đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phát triển NL HS THPT theo CTGDPTTT và CTGDPT môn Ngữ văn 2018; 2, Đảm bảo phù hợp với đặc trưng của VB TTT và hoạt động đọc hiểu VB TTT; 3, Đảm bảo phù hợp với đặc điểm tâm lí và NL trí tuệ của HS THPT; 4, Đảm bảo tích hợp phù hợp các biện pháp phát triển NL TDPB trong tiến trình dạy học đọc hiểu VB TTT. Biện pháp được đề xuất gồm: 1, Bổ sung tri thức nền cho HS – cơ sở để phát triển NL TDPB trong đọc hiểu VB TTT; 2, Hướng dẫn HS phát hiện các KHTM có tính vấn đề trong VB TTT và nêu thành các câu hỏi mạch lạc, có ý nghĩa; 3, Hướng dẫn HS đề xuất các cách cắt nghĩa, lí giải, đánh giá đa chiều về nghĩa và ý nghĩa của KHTM có tính vấn đề trong VB TTT; 4, Hướng dẫn HS đánh giá mức độ thuyết phục của mỗi cách cắt nghĩa, lí giải, đánh giá để lựa chọn được cách thuyết phục nhất; 5, Hướng dẫn HS hiệu chỉnh các cách cắt nghĩa, lí giải, đánh giá về KHTM trong VB TTT khi phát hiện sai sót trong lập luận.

Ở mỗi nhóm biện pháp, chúng tôi làm rõ mục tiêu và nội dung, cách thức áp dụng một số kĩ thuật, công cụ để phát triển NL TDPB cho HS trong quá trình dạy học

đọc hiểu VB TTT. Các biện pháp đã đề xuất cần được áp dụng linh hoạt, phù hợp với đặc trưng của VB TTT, đối tượng HS và điều kiện thực tế của lớp học.

1.4. Việc sử dụng các biện pháp mà luận án đề xuất đã được chứng minh là có tính khả thi và đem lại hiệu quả thông qua các vòng thực nghiệm. Kết quả thực nghiệm được đánh giá trên cơ sở các dữ liệu định lượng và định tính, đảm bảo khách quan, khoa học.

1.5. Thực hiện đề tài và TN đánh giá các biện pháp đề xuất, chúng tôi nhận thấy đây là các biện pháp hiệu quả, khả thi trong dạy học đọc hiểu VB TTT. Tuy nhiên, việc phát triển NL TDPB không chỉ phù hợp trong hoạt động dạy học đọc hiểu VB TTT, mà còn có thể mở rộng nghiên cứu trong quá trình dạy học đọc hiểu các dạng VB khác nhau. Ngoài ra, đọc hiểu không tách rời hoạt động viết và hoạt động nghe – nói, việc phát triển NL TDPB cho HS có thể được nghiên cứu áp dụng trong hoạt động viết, hoạt động nghe – nói và cần nghiên cứu các biện pháp kết hợp linh hoạt các hoạt động này nhằm nâng cao hiệu quả phát triển NL TDPB cho người học. Bên cạnh đó, cấu trúc của NL TDPB gồm bề nổi và bề sâu, bề sâu lại gồm nhiều thành tố khác nhau (kiến thức, kỹ năng, động lực, thái độ, trải nghiệm,...). Trong phạm vi đề tài, luận án đã đề xuất được hệ thống biện pháp nhằm tác động tới phần bề mặt của NL là các hành vi có thể quan sát được và các biện pháp nâng cao chất lượng kiến thức HS. Luận án có quan tâm đề cập tới vấn đề nâng cao hứng thú cho người học, nâng cao trải nghiệm, bồi dưỡng thái độ, làm tăng động lực cho HS trong quá trình tổ chức các hoạt động học tập. Tuy nhiên, để quá trình bồi dưỡng, nâng cao hứng thú, trải nghiệm, thái độ, động lực cho HS có hiệu quả cao, cần xây dựng biện pháp có tính hệ thống và đồng bộ hơn.

Trong phạm vi khảo sát của đề tài, chúng tôi đã thực hiện kết hợp in phiếu và sử dụng phiếu online để mở rộng phạm vi khảo sát một số tỉnh thành trong cả nước và tập trung tới đối tượng HS ở tỉnh Thanh Hoá. Tuy nhiên, việc phân biệt đối tượng khảo sát là HS chất lượng cao (trường chuyên, trường năng khiếu,...) và HS đại trà có được đặt ra trong mục tiêu khảo sát, nhưng vẫn chưa đưa đến được những nhận xét sâu sắc và toàn diện. Rõ ràng, với những đối tượng HS khác nhau, các biện pháp đề xuất cần có những đặc thù riêng. Bên cạnh đó, để phát triển NL TDPB cho HS trong dạy học VB TTT nói riêng, trong dạy học nói chung, các biện pháp tác động không chỉ hướng tới người học, mà cần có các biện pháp tác động tới GV, tới các nhà hoạch định và quản lý giáo dục.

Như vậy, đề tài hiện có khả năng mở rộng ở phạm vi khảo sát, phạm vi đối tượng tác động, phạm vi nội dung dạy học. Nghiên cứu để mở rộng phạm vi đề tài là vấn đề có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục.

2. Khuyến nghị

Từ kết quả nghiên cứu của luận án, chúng tôi có một số khuyến nghị sau

2.1. Với các cơ quan quản lý giáo dục: quan tâm và chú ý bồi dưỡng GV, tạo điều kiện để GV nâng cao NL dạy học theo định hướng phát triển NL TDPB cho HS.

2.2. Với các GV Ngữ văn cấp THPT: cần chủ động tìm hiểu về việc phát triển NL TDPB cho HS trong dạy học Ngữ văn và vận dụng trong thực tiễn dạy học các nội dung nghe – nói – đọc – viết. Để HS có NL TDPB thì trước hết GV cần rèn luyện để có NL TDPB, đề xuất được các tình huống có tính vấn đề, hướng dẫn người học thực hiện các thao tác tư duy để giải quyết vấn đề trong học tập, lắng nghe và tôn trọng quan điểm cá nhân của HS, không định kiến, không thiên kiến trong quá trình tiếp nhận các thông tin trái chiều của người học, tạo môi trường để người học được phát huy NL cá nhân. Điều này sẽ giúp HS nâng cao được NL TDPB, đồng thời phát triển được các năng lực đặc thù của môn Ngữ văn. Ngoài ra, việc rèn luyện để có trình độ chuyên môn vững chắc, nền tảng tri thức nền dày dặn cũng là yêu cầu quan trọng để GV có thể linh hoạt trong các tình huống sư phạm, trước cách tiệt cận vấn đề mới mẻ, độc đáo của HS.

2.3. Đối với các trường Đại học, Cao đẳng đào tạo sinh viên Sư phạm Ngữ văn, nội dung phát triển NL nói chung, phát triển NL TDPB nói riêng nên được đưa vào nội dung giảng dạy, SV được thực hành các thao tác TDPB cơ bản và vận dụng TDPB vào việc tự đọc VB.

Như vậy, những kết quả nghiên cứu đã góp phần làm sáng tỏ giả quyết khoa học của luận án. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, chắc chắn luận án không tránh khỏi thiếu sót, chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến nhận xét, đóng góp từ các góc độ khác nhau để hoàn thiện luận án.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Lưu Thị Thanh Thuỳ (2017), “Phát triển năng lực tư duy sáng tạo cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi hướng dẫn giải mã văn bản nghệ thuật”, Kỷ yếu hội thảo khoa học toàn quốc: *Nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn trong bối cảnh đổi mới và hội nhập*.
2. Lưu Thị Thanh Thuỳ (2018), “Educate Ecological Consciousness for High School Students through Teaching Literature in Vietnam”, Proceedings of 5th *International conference on Language, society and culture in Asian contexts. LSCAC 2018*, Jakarta Indonesia publishing house.
3. Lưu Thị Thanh Thuỳ (2019), “Phát triển năng lực tư duy phản biện cho học sinh trong hoạt động hướng dẫn đọc hiểu văn bản thơ trữ tình ở Việt Nam”, Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Đông Á: *Những vấn đề nghiên cứu và giáo dục Ngữ văn – Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*.
4. Lưu Thị Thanh Thuỳ (2022), “Enhancing High School Students’ Critical Thinking Competency through Teaching Reading Comprehension – Vital Orientation of High-Quality Human Resources Training”, Proceedings of the *International Conference on Culture, Education & Tourism with Economic Development. TED-2022*, Finance publishing house.
5. Lưu Thị Thanh Thuỳ (2022), “Enhance Ecological Consciousness and Critical Thinking for Students through Teaching Catching Crocodiles in U Minh Ha Forest (Son Nam)”, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế *Sinh thái và văn hóa Nam Bộ trong văn học Việt Nam*.